

Thứ hai, ngày 19 tháng 6 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index giảm gần 10 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/6/2023			●
Tuần 19/6-23/6/2023		●	
Tháng 06/2023			●

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index giảm gần 10 điểm trong phiên giao dịch ngày hôm nay, đóng cửa tại 1,105.4 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 13/19 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bất động sản dẫn đầu đà giảm. Ở chiều ngược lại, Bán lẻ, Dịch vụ tài chính,... có phiên giao dịch khá tích cực. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Phiên giảm điểm hôm nay có khối lượng khá thấp, cho thấy VN-Index khả năng cao sẽ quay trở lại xu hướng hồi phục sau khi điều chỉnh trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm theo xu hướng vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/06/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-9.82** điểm, đóng cửa **1105.4** điểm. HNX-Index **-1.92** điểm, đóng cửa **226.52** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **SAB (+0.29)**, **VCI (+0.18)**, **SHB (+0.16)**, **VGC (+0.13)**, **CTG (+0.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-3.8)**, **VIC (-1.31)**, **VHM (-1.08)**, **MSN (-0.73)**, **BID (-0.51)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,464** tỷ đồng, giảm **-38.77%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 14,317 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 14.32 điểm. Thị trường có **113** mã tăng, 45 mã tham chiếu, **315** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-107.31** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **NVL (-343.7 tỷ)**, **VNM (-65.57 tỷ)**, **VCB (-53.81 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.83** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30: các mã diễn biến tích cực: **VGC (2.66%)**, **DCM (1.61%)**, **PVS (1.23%)**.
- BSC50: các mã diễn biến tích cực: **QNS (3.79%)**, **LCG (3.46%)**, **DGW (3.08%)**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1105.40**
Giá trị: 12464.28 tỷ **-9.82 (-0.88%)**
Khối ngoại (ròng): -107.31 tỷ

HNX-INDEX **226.52**
Giá trị: 1909.83 tỷ **-1.92 (-0.84%)**
Khối ngoại (ròng): 4.83 tỷ

UPCOM-INDEX **84.55**
Giá trị: 539.22 tỷ **-0.07 (-0.08%)**
Khối ngoại (ròng): -5.34 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.8	1.64%
Giá vàng	1,954	-0.17%
Tỷ giá USD/VND	23,525	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,709	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	166	-0.01%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	-1.86%
LS TPCP 5 năm	3.8%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FUEVFNVD	231.59	NVL	-343.70
VCI	65.74	VNM	-65.57
FUESSVFL	52.15	VCB	-53.81
HPG	25.28	VIC	-32.11
FUEKIVFS	24.70	HDB	-21.99

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/6

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	71.78	1.64%	2.29%	-1.44%	-32.14%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	76.35	0.90%	2.09%	-0.79%	-30.84%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.67	0.99%	2.88%	3.84%	-24.29%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.62	3.49%	16.30%	10.84%	-61.79%		
TTF Gas	EUR/MWh	35.01	-14.92%	9.23%	9.56%	-70.27%		
Vàng	Ounce	1,954.40	-0.17%	-0.32%	-1.38%	6.25%		PNJ
Bạc	Ounce	24.19	1.40%	-0.32%	1.96%	11.73%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,466.50	2.68%	5.77%	9.69%	-9.60%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	14.94	0.07%	-1.13%	-7.72%	-38.52%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	134.30	0.37%	0.75%	-1.76%	-16.84%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG
Đường	LB	26.43	1.65%	4.14%	2.01%	42.10%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Cà phê	LB	184.90	-1.12%	-3.02%	-2.43%	-18.78%	VCF, CTP	CTP, DLG
Ure	USD/T	299.00	0.00%	0.84%	-16.83%	-52.54%		DPM, DCM
Niken	LB	22,956.00	0.24%	9.15%	8.21%	-10.26%		PC1
Đồng	LB	3.88	-0.25%	2.86%	3.78%	-3.42%	CAV, SAM, TGP	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	3,783.00	0.03%	1.89%	2.60%	-16.89%		HPG
Nhôm	Ton	2,271.00	0.96%	0.13%	-1.11%	-9.09%	CAV, SAM, TGP	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô WTI tăng lên mức hơn 71USD/thùng, giá dầu Brent cũng tăng lên mức 76.35 USD/thùng. Xuất khẩu dầu thô và sản lượng dầu của Iran đã đạt mức cao mới vào năm 2023 bất chấp các lệnh trừng phạt của Hoa Kỳ, bổ sung vào nguồn cung toàn cầu khi các nhà sản xuất khác đang hạn chế sản lượng.

Giá vàng

• Giá vàng toàn cầu có xu hướng giảm nhẹ nhưng vẫn đang áp sát mốc 1.960 USD/ounce. Trong khi đó, đồng USD đang hồi phục nhẹ.

Giá thép

• Các nhà máy thép vẫn cần bổ sung quặng sắt để duy trì sản xuất trong thời gian tới do tỷ suất lợi nhuận được cải thiện và tồn kho quặng sắt thấp tại các nhà máy.

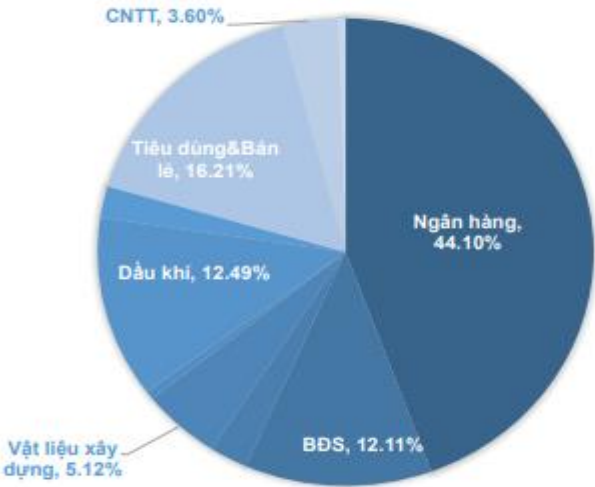
Giá hàng hóa khác

• Giá nông sản đều ghi nhận xu hướng tăng như đậu tương, lúa mì vẫn là những mặt hàng dẫn dắt xu hướng. Đà tăng của những mặt hàng này đến từ lo ngại gián đoạn nguồn cung tại khu vực Biển Đen, kết hợp với tình trạng khô hạn tại nhiều quốc gia sản xuất chính

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	101.7	-3.1%	1.1	20,459	4.9	7,311	13.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	43.3	-0.9%	0.9	9,311	1.5	4,208	10.3	54,578	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	-0.5%	1.1	5,550	10.0	-			17.6%	Link
TCB	Ngân hàng	32.1	-1.4%	1.6	4,799	5.0	-			22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	19.6	-0.8%	1.5	3,768	5.8	4,640	4.2	26,000	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.8	-0.9%	1.2	2,304	10.4	4,603	6.3	24,600	26.5%	Link
GVR	BDS KCN	17.9	0.6%	1.9	3,044	1.5	4,880	3.7	31,200	0.5%	Link
KBC	BDS KCN	27.8	0.9%	1.7	906	7.1				20.4%	Link
IDC	BDS KCN	42.5	0.7%	1.7	596	5.1	1,217		19,100	10.7%	Link
VGC	BDS KCN	42.4	2.7%	1.8	808	3.1	1,916	22.1	25,000	5.0%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	23.4	-0.4%	2.1	5,772	13.1	1,896	12.3	18,500	23.7%	Link
VHM	Vật liệu xây dựng	55.0	-1.8%	1.0	10,180	3.6	5,227	10.5	68,300	24.3%	Link
VRE	BDS	26.6	0.2%	1.0	2,564	3.2	1,576	16.9	31,800	32.9%	Link
KDH	BDS	30.4	-1.0%	1.7	926	2.3	2,557	11.9	38,700	36.6%	Link
NLG	BDS	34.4	0.6%	1.6	561	2.9	14,120	2.4	42,000	45.1%	Link
DGC	Phân bón	61.2	-0.3%	1.8	988	8.4	6,793	9.0	122,300	16.0%	Link
DPM	Dầu khí	32.7	0.3%	1.1	544	2.3	2,625	12.5	42,000	18.3%	Link
DCM	Dầu khí	25.3	1.6%	1.3	569	2.9	2,292	11.0	18,400	10.7%	Link
GAS	Dầu khí	95.2	-0.3%	0.7	7,745	2.6	1,340	71.0	31,100	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	37.2	0.0%	0.9	2,009	1.2	2,929	12.7	24,300	17.8%	Link
PVS	Dầu khí	32.8	1.2%	1.2	666	12.6	993	33.0	13,000	20.7%	Link
PVD	Dầu khí	24.0	0.6%	1.3	567	5.0	7,698	3.1	85,000	22.1%	Link
POW	Tiện ích	13.6	0.4%	1.0	1,349	2.0	3,895	3.5	87,600	7.8%	Link
VNM	Bán lẻ	65.8	-0.5%	0.3	5,846	9.2	2,605	25.3	96,000	55.6%	Link
MSN	Bán lẻ	74.5	-2.7%	1.2	4,509	3.6	3,456	21.6	55,200	30.3%	Link
MWG	Bán lẻ	41.5	0.4%	1.7	2,581	3.6	7,475	5.6	95,000	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	72.3	-0.7%	0.6	1,008	2.7	2,965	24.4	77,100	48.6%	Link
VHC	Thủy sản	60.1	0.2%	1.0	468	1.1	12,800	4.7	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	50.2	-0.8%	0.4	643	1.2	7,059	7.1	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	84.7	0.2%	0.7	3,976	2.4	5,901	14.4	91,900	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.6	0.4%	1.2	5,842	4.1	1 #####		1.3	28.1%	16.9%
ACB	Ngân hàng	21.6	-0.7%	1.0	3,574	4.3	(0) #####		1.5	30.0%	26.5%
HDB	Ngân hàng	18.4	-1.3%	0.9	1,962	1.8	1 #####		1.3	19.3%	24.2%
LPB	Ngân hàng	14.7	-0.3%	1.3	1,080	3.3	(0) #####		1.1	4.9%	22.1%
VIB	Ngân hàng	23.1	0.0%	1.2	2,070	4.6	1 #####		1.5	20.5%	29.7%
VND	Chứng khoán	19.2	-1.0%	2.1	994	23.4	1 #####		1.6	23.0%	10.0%
TPB	Ngân hàng	18.3	0.5%	1.0	1,713	1.2	(0) #####		1.3	30.0%	21.5%
SSI	chứng khoán	26.4	1.1%	1.7	1,682	16.8	3 #####		1.8	43.4%	9.3%
CII	Xây dựng	17.3	-0.9%	1.5	186	6.5	1 #####		5.5	9.5%	10.7%
C4G	Xây dựng	13.2	2.3%	1.9	0	1.5	- #####		1.7	0.0%	8.6%
CTD	Xây dựng	64.2	-2.3%	2.0	202	2.4	2 #####		0.6	49.1%	0.3%
HHV	Xây dựng	13.8	1.1%	1.6	181	6.7	2 #####		0.8	3.6%	3.9%
LCG	Xây dựng	13.4	3.5%	2.0	108	6.6	2 #####		1.0	3.5%	7.8%
BCM	KCN	81.0	-0.2%	0.8	3,564	1.1	0 #####		4.7	2.8%	9.7%
HUT	KCN	18.0	0.0%	1.3	267	1.9	2 #####		1.7	2.0%	3.6%
PHR	KCN	45.9	-0.6%	1.3	264	0.9	1 #####		1.7	14.4%	28.3%
SZC	KCN	34.6	-0.7%	1.8	147	1.1	#N/A N/A		2.3	3.2%	13.2%
HSG	Vật liệu	16.2	-1.5%	2.4	413	5.5	3 #####		1.0	17.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	14.8	1.0%	1.4	241	0.5	1 #####		1.1	3.6%	5.1%
NKG	Vật liệu	16.4	-2.4%	2.5	184	5.1	3 #####		0.9	12.2%	13.5%
PTB	Vật liệu	47.8	0.6%	1.1	138	0.5	(1) #####		1.2	13.6%	19.5%
KSB	Vật liệu	26.4	0.4%	1.6	86	1.7	(0) #####		1.0	8.9%	8.2%
NVL	BĐS	14.0	-6.0%	1.3	1,160	40.0	7 #####		0.7	6.2%	5.3%
DXG	BĐS	14.5	1.8%	2.6	376	7.5	3 #####		0.6	20.5%	3.4%
HDC	BĐS	29.1	-1.4%	0.9	167	0.7	0 #####		1.7	1.2%	25.1%
DIG	BĐS	21.2	1.9%	2.3	550	19.0	4 #####		1.7	6.0%	2.0%
IJC	BĐS	14.8	0.3%	2.1	158	1.4	3 #####		0.9	5.9%	14.4%
BSR	Dầu khí	17.2	-0.6%	1.4	0	3.0	2 #####		1.0	0.6%	32.5%
PVT	Dầu khí	20.9	0.0%	0.9	288	1.2	(1) #####		0.8	18.1%	14.9%
PLC	Săm lốp	36.4	0.8%	1.6	125	0.6	0 #####		2.3	1.0%	10.2%
DRC	Tiện ích	20.2	0.8%	1.2	102	0.1	1 #####		1.3	8.4%	16.7%
REE	Tiện ích	63.3	1.4%	0.9	1,100	4.9	1 #####		1.3	49.0%	19.8%
GEX	Tiện ích	18.6	-2.9%	1.8	671	9.8	2 #####		0.9	12.2%	7.5%
NT2	Tiện ích	31.5	0.0%	0.6	386	0.4	2 #####		2.0	16.0%	20.0%
HDG	Tiện ích	37.6	1.5%	1.8	392	1.4	1 #####		1.4	20.5%	22.7%
PC1	Tiện ích	27.0	-3.2%	1.7	310	3.7	0 #####		1.3	8.1%	7.9%
GEG	Tiện ích	16.2	1.6%	1.1	267	0.8	1 #####		1.1	46.4%	7.9%
BCG	Dầu khí	9.6	-0.5%	2.4	219	2.4	2 #####		0.4	1.9%	4.9%
SAB	Bán lẻ	156.8	1.2%	0.0	4,274	0.9	(1) #####		4.0	62.6%	23.3%
QNS	Bán lẻ	48.5	5.2%	0.4	0	4.1	2 #####		2.2	19.3%	17.7%
FRT	Bán lẻ	62.8	1.3%	1.6	364	2.4	0 #####		4.5	28.6%	21.4%
DGW	Bán lẻ	40.2	3.1%	2.2	286	3.3	(1) #####		3.0	22.5%	32.5%
DBC	Bán lẻ	20.8	3.0%	2.0	214	6.3	1 #####		1.1	5.8%	3.2%
PET	Bán lẻ	26.4	0.6%	2.5	111	0.4	1 #####		1.4	1.5%	9.0%
BAF	Bán lẻ	22.9	-0.4%	1.1	140	2.4	- #####		1.9	0.2%	18.3%
ANV	Thủy sản	33.7	0.0%	2.0	191	1.2	(0) #####		1.7	6.6%	26.6%
VSC	Logistics	33.2	2.5%	0.2	171	2.1	(1) #####		1.3	3.0%	12.8%
HAH	Logistics	42.8	0.7%	1.3	128	2.4	2 #####		1.0	9.2%	43.4%
CTR	Công nghệ	70.9	-1.9%	1.5	345	0.2	0 #####		4.8	11.0%	30.2%
TNG	Dệt may	18.6	-0.5%	1.7	90	1.3	1 #####		1.3	13.9%	17.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
15	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
21	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
23	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
25	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
26	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
27	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
28	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
29	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
30	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
31	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
33	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
34	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
37	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
40	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
43	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
44	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639